

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 6 - 2020

V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Phùng.

Bà Nguyễn Quỳnh Thơ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân quận Đông Đa, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đông Đa, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Đông Đa, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 192/2020/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: **Chị Phùng A**, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số 17 ngách 32 ngõ 85 Nguyễn Lương Bằng, phường Nam Đồng, quận Đông Đa, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: **Anh Nguyễn Đăng B**, sinh 1979; Địa chỉ: Số 17 ngách 32 ngõ 85 Nguyễn Lương Bằng, phường Nam Đồng, quận Đông Đa, Thành phố Hà Nội.

A có mặt, anh B vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn ly hôn đề ngày 06/3/2020, bản tự khai và các văn bản tố tụng tiếp theo nguyên đơn chị Phùng A trình bày:

- Tình cảm:

Chị và anh Nguyễn Đăng B kết hôn tự nguyện, tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Nam Đồng ngày 14/4/2011.

Sau khi kết hôn anh chị cư trú cùng bố mẹ chồng tại số 17 ngách 32 ngõ 85 Nguyễn Lương Bằng, phường Nam Đồng, quận Đông Đa, Thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm, lối sống; anh B sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Bản thân chị đã cố gắng để cải thiện tình cảm vợ chồng nhưng anh B không thay đổi nên vợ chồng sống không hạnh phúc. Đến tháng 8

năm 2019 chị đã chuyển đi nơi khác cư trú. Trước khi chuyển đi, chị có xin phép bố mẹ chồng để đưa 2 con đi nơi khác sống cùng bởi cuộc sống quá vất vả mệt mỏi nhưng bố mẹ chồng không đồng ý. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2019 đến nay.

Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn anh B.

- Con chung: Chị và anh B có 02 con chung là cháu: Nguyễn Hà C (nữ), sinh ngày 12/12/2011 và Nguyễn Đăng D (nam), sinh ngày 31/10/2013. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Vì anh B không có việc làm cũng không có thu nhập.

Chị khẳng định từ khi chị chuyển ra ngoài ở cho đến nay, mặc dù các cháu ở với ông bà nội nhưng chị vẫn là người chịu chi phí việc nuôi dưỡng con chung (vẫn đưa tiền để ông bà nuôi cháu, đóng học phí và các khoản sinh hoạt khác cho con). Chị yêu cầu được nuôi con vì chị có công việc thu nhập ổn định, đảm bảo tốt việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung.

Tài sản chung (động sản, bất động sản): Chị xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Chị và anh B không vay nợ ai, không cho ai vay nợ.

*** *Tại Bản tự khai, biên bản ghi ý kiến bị đơn anh Nguyễn Đăng B trình bày:***

Anh và chị Phùng A kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại số 17 ngách 32 ngõ 85 Nguyễn Lương Bằng, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội.

Cuộc sống chung vợ chồng bình thường không có mâu thuẫn gì lớn.

A yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý vì các con của anh chị còn nhỏ cần sự chăm sóc của cả bố và mẹ.

- Con chung: Anh xác nhận anh chị có 02 con chung là cháu: Nguyễn Hà C (nữ), sinh ngày 12/12/2011 và Nguyễn Đăng D (nam), sinh ngày 31/10/2013. Trường hợp ly hôn, anh đồng ý để A trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, yêu cầu được tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung (động sản, bất động sản): Anh xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Anh và A không vay nợ ai, không cho ai vay nợ.

*** *Tại phiên tòa:***

- Chị Phùng A vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày, cụ thể:

+ Tình cảm:

A khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn căng thẳng, cuộc sống chung không hạnh phúc, nhiều mâu thuẫn, bất đồng. Chị và anh B sống ly thân từ tháng 9 năm 2019 đến nay không ai quan tâm đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị kiên quyết xin ly hôn anh B.

Con chung: Chị và anh B có 02 con chung. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

+ Tài sản chung (động sản, bất động sản): A xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Nợ chung: A xác nhận anh chị không có nợ chung, không vay nợ ai, không cho ai vay nợ.

- Anh Nguyễn Đăng B vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố Bản tự khai của anh B và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử ngày hôm nay Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng theo đúng các trình tự tố tụng mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ tố tụng; bị đơn thực hiện quyền nghĩa vụ tố tụng chưa tốt.

Về nội dung vụ án: Sau khi phát biểu đánh giá các tình tiết của vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 226, 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Nghị quyết 326 về án phí lệ phí: Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phùng A; Con chung: Giao con chung cho A được trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh B; Về tài sản chung (động sản, bất động sản): Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Nợ chung: A xác nhận không vay nợ ai, không cho ai vay nợ nên không xét; Án phí: A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng

Căn cứ vào đơn khởi kiện, các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Xác định tranh chấp giữa chị Phùng A và anh Nguyễn Đăng B là tranh chấp về hôn nhân gia đình.

Bị đơn là anh Nguyễn Đăng B cư trú tại phường Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Đống Đa thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền.

Anh Nguyễn Đăng B đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt). Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

Về nội dung:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng A và anh Nguyễn Đăng B đăng ký kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND phường Nam Đồng ngày 14/4/2011. Căn cứ Điều 3, Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình xác nhận hôn nhân giữa A và anh B là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, lời khai của A và anh B đều thống nhất thể hiện: Quá trình chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân do không hợp tính cách, bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2019 đến nay mỗi người sống một nơi không ai quan tâm đến ai, kinh tế riêng biệt. A kiên quyết xin ly hôn, anh B không đồng ý với lý do các con anh chị còn nhỏ. Tòa án đã triệu tập đương sự đến tham gia phiên hòa giải nhưng anh B đều vắng mặt không có lý do, thể hiện anh B không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy: Với tình trạng hôn nhân của anh chị như hiện nay khẳng định cuộc sống chung vợ chồng anh chị không hạnh phúc, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. A xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn anh B nên yêu cầu ly hôn anh B của A là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của A; yêu cầu xin đoàn tụ anh B là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2]. Con chung: Xác nhận chị Phùng A và anh Nguyễn Đăng B có 02 con chung là Nguyễn Hà C (nữ), sinh ngày 12/12/2011, Nguyễn Đăng D (nam), sinh ngày 31/10/2013. Ly hôn, A có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con; anh B đồng ý để A trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và xin tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung. A có chỗ ở công việc và thu nhập ổn định nên đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung. Mặt khác anh Hải cũng đồng ý để A được trực tiếp nuôi cả 02 con chung thì đây là sự tự nguyện thống nhất của A và anh B. Do vậy, Căn cứ Điều 81 chấp nhận yêu cầu của A; giao cả 2 con chung cho A được trực tiếp nuôi dưỡng; tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh B.

[3] Về tài sản, nhà ở chung: A, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[4] Về nợ: A, anh B xác nhận vợ chồng không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[5] Về án phí: A phải chịu án phí ly hôn.

Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phùng A.

Chị Phùng A được ly hôn anh Nguyễn Đăng B.

2. Con chung: Xác nhận chị Phùng A và anh Nguyễn Đăng B có 02 con chung là Nguyễn Hà C (nữ), sinh ngày 12/12/2011, Nguyễn Đăng D (nam), sinh ngày 31/10/2013.

Giao cháu C, cháu D cho A trực tiếp nuôi dưỡng; Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh B cho đến khi A có yêu cầu hoặc đến khi có quyết định pháp luật khác thay thế.

Anh B có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Tài sản chung: A, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

4. Về nợ: A, anh B xác nhận vợ chồng không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

5. Về án phí: Chị Phùng A phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 00014009 ngày 09 tháng 3 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa. A đã nộp đủ tiền án phí.

A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- *TANDTPHN;*
- *VKSNDTPHN;*
- *VKS nhân dân quận Đống Đa;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Tú

